

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

QUAN NIỆM CỦA THOMAS HOBBS VỀ TÔN GIÁO

LÊ CÔNG SỰ^(*)

Thomas Hobbes sinh ngày 5 tháng 4 năm 1588, trong một gia đình linh mục tại Malmesbury thuộc vùng Wiltshire, miền nam nước Anh. Do cha ông là một linh mục gây nhiều tai tiếng, hay tranh cãi với giáo dân ngoài nhà thờ, nên buộc phải rời khỏi vùng làng quê này; nhưng nhờ sự kiện này mà Thomas Hobbes được gửi đến sống cùng người chú giàu có, tại đây cậu bé có điều kiện học tập để lập nghiệp sau này; cậu đến trường khi còn bốn tuổi, chăm chỉ học tiếng Latinh, tiếng Hy Lạp cổ. Để có thêm nhiều hiểu biết về văn hoá nhân loại, năm 1601, Hobbes được đi du lịch chuyến đầu tiên sang Pháp và Italia - những cái nôi văn hoá, khoa học của Châu Âu thế kỉ Ánh Sáng⁽¹⁾.

Khi mới 14 tuổi, Hobbes thi vào học tại Đại học Oxford - một trong những trung tâm giáo dục nổi tiếng Anh quốc. Năm 1608, sau khi đậu cử nhân, chàng thanh niên tròn tuổi đôi mươi quyết định chọn nghề gia sư làm phương kế sinh nhai và nghiên cứu triết học làm sự nghiệp chính. Chàng nhận làm gia sư dạy toán cho con trai Bá tước xứ Devonshire là William Cavendish, một nhân vật có quan hệ thân cận với triều đình Anh quốc lúc đó; mối quan hệ thân thuộc này có ảnh hưởng quan trọng lâu dài đến cuộc

đời và sự nghiệp của nhà triết học. Năm 1629, Hobbes thực hiện chuyến du lịch Châu Âu lần thứ hai. Năm 1634, Hobbes thực hiện chuyến đi Châu Âu lần thứ ba và ở lại đây ba năm (1634 - 1637), tiếp xúc với đa số các học giả nổi tiếng đương thời như Martin Mersenne, Pierre Gasendi, Galileo, Descartes, v.v... Khi trở về, Anh quốc nằm trong trạng thái chính trị vô cùng hỗn loạn⁽²⁾, lo sợ bị liên lụy, năm 1640, Hobbes sang Pháp cư trú chính trị. Trong 11 năm cư trú tại Paris, nhà tư tưởng Anh cho xuất bản các tác phẩm bằng cả tiếng Latinh và tiếng Anh: *De Cive* (Bàn về công dân, 1642); *De corpore politico* (Bàn về tổ chức chính trị, 1650); *Leviathan or the matter, forme, and power of a Commonwealth, ecclesiastical and civil* (Thủy quái hay là vật chất, hình thức và quyền lực của cộng đồng tôn giáo và dân sự, 1651)⁽³⁾. Các tác phẩm trên ra đời vào thời điểm chính trị vô cùng nóng hổi ở Anh quốc: Vua Charle đệ nhất bị công chúng hành quyết, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ

*. TS., Đại học Hà Nội.

1. Xem: Samuel Enoch Stumpf & Donald C. Abel. *Nhập môn triết học Phương Tây*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh 2005, tr. 370.

2. Xem thêm: Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng. *Lịch sử thế giới cận đại*, Nxb. Giáo dục 1998, tr.19 -30.

3. Xem: V. V. .Sokolov. *Triết học Châu Âu thế kỉ XV - XVII*, Matxcova 1984, tr..277 (tiếng Nga).

quân chủ phong kiến ngự trị hàng ngàn năm, mở đầu cho chế độ cách mạng cộng hoà tư sản.

Năm 1652, Cromwell nắm quyền nhiếp chính, cho phép Hobbes trở về Anh quốc. Năm 1658, Cromwell chết, phái bảo hoàng thừa cơ tấn công phái cộng hoà, đến năm 1660, phái bảo hoàng thắng thế, lập con trai Charles đệ nhất lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Charles đệ nhị - đây là thời điểm lịch sử thuận lợi cho sự nghiệp của Hobbes, vì khi còn lưu vong ở Paris, nhà vua mới đăng quang từng là học trò của Hobbes.

Với phương châm sống: "Tôi tự gánh vác lấy số phận của mình, suốt đời đi theo con đường lựa chọn và sẽ không bao giờ phản nản về sự đổ kị của người đời"⁽⁴⁾; một mặt, ông đứng về phái bảo hoàng, bảo vệ quan điểm khôi phục ngôi vua nên bị phái cộng hoà dân chủ căm ghét; mặt khác, ông từ chối vai trò "hoàng tử" của nhà vua, nên cũng bị phái bảo hoàng công kích⁽⁵⁾. Nhưng nhờ có mối quan hệ khá thân thiết với nhà vua, ông thoát khỏi những vụ rắc rối chính trị, tập trung thời gian cho việc viết và biên dịch sách, xuất bản các tác phẩm: *De Corpore* (*On the body* - Bàn về thể xác, 1655); *The question concerning liberty, necessity, and chance* (Vấn đề liên quan đến tự do, tất yếu và cơ hội, 1656); *De Homine* (*On Man* - Bàn về con người, 1658); *Behemoth* (Những ghi chép về nội chiến Anh quốc 1640 - 1660).

Vào tuổi bát tuần, nhà triết học vẫn không ngừng làm việc, ông dịch *Iliad* và *Odysse* từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Anh, viết *Tự truyện* cho đến khi từ giã cõi đời ngày 4 tháng 12 năm 1679⁽⁶⁾.

Xuất thân từ một gia đình mà bố vốn là linh mục vùng nông thôn, ngay từ thời thơ ấu, cậu bé Hobbes đã có điều kiện thuận lợi tiếp xúc với các lễ nghi nhà thờ và kinh sách tôn giáo. Về sau, khi đã trở thành chính khách, Hobbes càng có cơ hội để suy tư về loại hình ý thức xã hội đặc biệt này. Đó là lí do ông viết hai chương mang nhan đề *Về tôn giáo* trong hai tác phẩm nổi tiếng: *Leviathan* (chương 12) và *Bàn về con người* (chương 14). Với số trang viết khiêm tốn, song trong các văn bản này, nhà triết học đã phân tích cho chúng ta thấy nguồn gốc nhận thức, nguồn gốc tâm lí và nguồn gốc xã hội của tôn giáo, mối quan hệ giữa tôn giáo với đạo đức và chính trị.

Dựa trên lí luận cảm giác luận duy vật, Hobbes cho rằng, "không có khái niệm nào trong tâm trí con người mà từ đầu lại không phát sinh - hoàn toàn hay một phần - từ các cơ quan cảm giác"⁽⁷⁾. Cảm giác có được nhờ các sự vật bên ngoài tác động lên các cơ quan nhận biết của con người. Từ những cảm giác ban đầu đó, hình thành các hiện tượng tâm lí tiếp theo, trong đó có tưởng tượng. Hobbes viết: "Khi một vật thể đã bị lấy đi khỏi, hoặc mất nhấm lại, chúng ta vẫn còn lưu lại một hình ảnh của cái đã thấy, dù có mờ nhạt hơn khi chúng ta thấy nó. Và đó là cái mà người La Mã gọi là *imagination*, "hình dung", lấy từ hình

4. Dẫn theo P. S. Tarano. *106 nhà thông thái*, Nxb. CTQG, 2000, tr. 561.

5. Xem: Ted Honderich. *Hành trình cùng triết học*, Nxb. Văn hoá Thông tin, 2002, tr. 484.

6. Xem: V.V Sokolov. *Triết học Châu Âu thế kỉ XV-XVII*, Matxcova 1984, tr. 277 (tiếng Nga).

7. Hobbes. *Leviathan*, dẫn theo Forrest E. Baird. *Tuyển tập danh tác triết học từ Plato đến Derrida*, Nxb. Văn hoá Thông tin 2006, tr. 295.

ảnh được hình thành khi nhìn. Nhưng người Hy Lạp gọi nó là "tưởng tượng", có nghĩa là "hình tượng". Do đó, tưởng tượng không là gì khác ngoài "*cảm giác phai tàn*", và được tìm thấy nơi con người⁽⁸⁾. Theo sự lí giải của Hobbes, thì trí tưởng tượng là hiện tượng tâm lí đặc biệt, phản ánh nét nhận thức đặc trưng của con người, nó là nguyên nhân cơ bản giúp con người sáng tạo nên hình ảnh Thượng Đế trong các tôn giáo sơ khai: "Từ sự mê muội không biết phân biệt giấc mơ và các tưởng tượng mạnh khác với thị kiến và cảm giác, đã phát sinh phần lớn nhất tôn giáo của lương dân trong quá khứ, là các tôn giáo thờ các thần rừng, thần dê, các thủy thần và các loại thần giống như thế; và ngày nay nó cũng vẫn còn làm cho những người quê mùa chất phác tin vào các thần tiên, quỷ thần và sức mạnh của các phù thủy... Vì không biết rõ tưởng tượng hay cảm giác là gì, một số nói rằng, tưởng tượng tự nó phát sinh và không có nguyên nhân; người khác nói chúng chủ yếu phát sinh từ ý chí và các tư tưởng tốt lành là do Thiên Chúa thổi cho con người, còn các tư tưởng xấu là do ma quỷ"⁽⁹⁾. "Về bản chất của các vị thần vô hình mà con người tưởng tượng ra, họ không thể có ý niệm nào khác ngoài việc coi nó cũng giống như linh hồn của con người; và linh hồn con người có cùng bản thể với cái xuất hiện trong giấc mơ của một người đang ngủ hay trong một tấm gương mà một người thức đang soi vào, mà vì người ta không biết rằng, các hình ảnh ấy chỉ là những sản phẩm của trí tưởng tượng của họ, họ nghĩ chúng là quỷ thần"⁽¹⁰⁾. Ở đây chúng ta thấy Hobbes có điểm tương đồng với quan niệm *thần nhân đồng hình* (*anthropomorphism*) của Xenophan thời

cổ đại; theo đó thì nếu các loài vật như bò, sư tử mà biết vẽ thì chúng sẽ phác họa nên Thượng Đế giống như hình ảnh mình.

Tưởng tượng mới chỉ giúp con người sáng tạo nên những hình ảnh thần thánh sơ khai, đó là các vị thần được đề cập đến trong totemism và fetishism của các tộc người ở thời kì quá độ từ chế độ nguyên thủy lên chiếm hữu nô lệ. Còn việc sáng tạo hình ảnh vị thần trong các tôn giáo độc thần (monotheism) về sau như Kitô giáo, thì cần có thêm những điều kiện nhận thức - tâm lí - xã hội đặc biệt hơn như sự so sánh, phép suy luận logic, cộng với sự sợ hãi trong cuộc sống hiện tại và nỗi lo lắng cho cuộc sống tương lai. Về vấn đề này, nhà triết học Anh luận giải: "Bởi vì chỉ ở loài người mới có những dấu hiệu hay kết quả của tôn giáo, nên chắc chắn không thể nghi ngờ rằng, mầm mống tôn giáo chỉ có nơi con người - và hệ tại một số tính chất đặc thù hay ít là ở một mức độ mà ta không thấy có nơi các sinh vật khác. Tính chất đặc thù thứ nhất nơi bản tính con người là sự tò mò muốn biết nguyên nhân của các sự kiện họ trông thấy... nguyên nhân của hạnh phúc và sự bất hạnh của họ. Tính chất đặc thù thứ hai là, khi vừa thấy bất cứ điều gì có một sự khởi đầu thì con người cũng nghĩ rằng, có một nguyên nhân làm cho nó bắt đầu xuất hiện. Thứ ba, ở các loài vật khác sự sung sướng duy nhất của chúng là thỏa mãn nhu cầu bản năng trực tiếp, chúng không có óc quan sát, suy luận, dự kiến cho tương lai... còn con người thì quan sát thấy một sự kiện

8. Hobbes. *Leviathan*, Sđd., tr. 297.

9. Hobbes. *Leviathan*. Sđd., tr. 299.

10. Hobbes. *Leviathan*, Sđd., tr. 305.

được tạo ra bởi một sự kiện khác như thế nào?... Họ giả thiết các nguyên nhân ấy theo óc tưởng tượng, hay tin vào uy tín của những người khác.

Hai điều đầu tiên tạo ra sự lo lắng... bởi vì chắc chắn rằng, có các nguyên nhân của mọi sự đã từng xảy ra hay sắp xảy ra, thì một người vốn luôn luôn cố gắng tự bảo vệ mình chống lại điều xấu mà họ sợ và tạo điều tốt mà họ muốn, họ không thể nào ở mãi trong sự lo âu triền miên trong tương lai... Nỗi sợ triền miên này luôn đồng hành với con người trong sự mê muội về các nguyên nhân, giống như họ đi trong bóng đêm, chắc chắn nó phải có một đối tượng nào đó... một sức mạnh hay một đáng vô hình nào đó theo nghĩa mà các thi sĩ thời xưa nói rằng, các thần trước hết đã được tạo ra bởi sự sợ hãi của con người... Sự lo lắng về số phận của họ vừa dễ dẫn họ tới sự sợ hãi và ngăn trở việc tìm kiếm các nguyên nhân của sự vật, và do đó tạo dịp cho họ bịa ra vô số thần thánh"⁽¹¹⁾.

Phân tích nội dung văn bản trên, chúng ta thấy nhà triết học Anh đã nhận thấy nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lí của tôn giáo, ông cho rằng, trí tưởng tượng và nỗi sợ hãi, lo lắng của con người là những nguyên nhân cơ bản làm phát sinh tôn giáo. Nhờ có năng lực tưởng tượng mà con người có thể sáng tạo nên trong đầu óc mình những hình ảnh thánh thần với những đường nét thể hình và tính cách tâm lí giống như mình, rồi sau đó biến các vị thần tưởng tượng này thành các đối tượng sùng bái. Các vị thần do trí tưởng tượng sáng tạo ra được tiếp sức, nuôi dưỡng bởi các tác nhân tâm lí như sự sợ hãi, nỗi lo lắng, làm cho con người củng cố thêm niềm tin vào sự linh thiêng và sức mạnh của các thánh thần.

Nhưng làm sao để tôn giáo có thể lan truyền một cách rộng rãi phổ biến trong đời sống cộng đồng với số lượng người tin theo lớn đến như vậy? Để có lời giải đáp đúng câu hỏi này, Hobbes quay trở về truy tìm căn nguyên xã hội của sự xuất hiện thánh thần. Dựa trên những hiểu biết khá uyên thâm của mình về lịch sử tôn giáo cũng như về đời sống chính trị xã hội đương thời, nhà triết học Anh có cơ sở thực tiễn để khẳng định rằng, trong sự củng cố niềm tin và truyền bá các giáo lí tôn giáo có vai trò rất lớn của các phù thủy, đạo sĩ, chính khách và quan trọng hơn là các nhà truyền giáo chuyên nghiệp. "Mầm mống tôn giáo - Hobbes viết - nhận được nền văn hoá của hai hạng người. Một hạng người đã nuôi dưỡng và sắp đặt chúng theo sự bịa đặt của chính họ. Hạng người kia làm theo lệnh truyền và sự hướng dẫn của Thiên Chúa; nhưng cả hai hạng người này đều đã làm với mục đích là để những người lệ thuộc vào chúng trở nên thích hợp hơn với sự vâng phục luật pháp, hòa bình, bác ái, và xã hội dân sự. Cho nên tôn giáo của hạng người thứ nhất là một phần chính trị loài người, và dạy về phần hồn mà các vua chúa thế gian đòi hỏi các thần dân của họ. Và tôn giáo của hạng người thứ hai là chính trị thần linh, và gồm các giới luật của những người đã tự nguyện khuất phục vương quốc của Thiên Chúa. Thuộc về loại thứ nhất là tất cả những người sáng lập các cộng đồng và những người lập luật của lương dân; thuộc loại người thứ hai là Abraham, Moise, và Chúa Cứu Thế, là người đã truyền lại cho chúng ta luật pháp của vương quốc Thiên Chúa"⁽¹²⁾.

11. Hobbes. *Leviathan*, Sđd., tr. 303 - 305.

12. Hobbes. *Leviathan*, Sđd., tr. 305.

Như vậy, theo Hobbes, tôn giáo không là gì khác như một thứ "chính trị thần linh" do các nhà tư tưởng kiêm chính khách "ma mãnh" sáng lập ra với dụng ý mê hoặc, ru ngủ công chúng; và sau khi thành lập, các nhà tư tưởng bằng những thủ đoạn nghề nghiệp đã nhanh chóng biến tôn giáo thành một phương tiện hay thủ đoạn chính trị phù hợp với mục đích của họ. Nhận định về ý kiến này, Hobbes viết: "Về các thần tiên và ma quỷ, tôi nghĩ rằng, niềm tin vào chúng đã bị người ta cố tình khuyến khích hay không bác bỏ nhằm làm người ta tin vào các chuyện trừ quỷ, nước thánh, hay các sáng chế của những con người ma mãnh. Tuy nhiên không nghi ngờ rằng, Thiên Chúa có thể có những lúc hiện hình ngoài luật tự nhiên, nhưng đức tin Kitô giáo không hề dạy rằng, Ngài hiện ra thường xuyên để con người khiếp sợ các chuyện ấy hơn là sự ổn định hay sự thay đổi của tự nhiên. Nhưng những kẻ xấu có thể viện cớ làm bất cứ chuyện gì nên họ bạo miệng nói bất cứ điều gì có lợi cho họ, cho dù họ biết là không đúng; người khôn ngoan sẽ chỉ tin những gì mà lí trí mách bảo họ rằng, đáng tin"⁽¹³⁾. Vì tôn giáo được hình thành như một phương tiện chính trị, nó không chỉ phản ánh những vấn đề đời sống tâm linh mà còn phản ánh những vấn đề cuộc sống hiện thực của xã hội; vì vậy, loại bỏ được một phần niềm tin tôn giáo và những câu chuyện hoang đường mang tính chất mê dẹt là một bước tạo tiền đề cho việc khẳng định niềm tin cuộc sống và pháp luật nhà nước. Từ lập luận đó, Hobbes khẳng định: "Nếu sự sợ hãi do mê tín và do quỷ thần được loại trừ, các chuyện đoán mộng, các lời tiên tri giả, và nhiều điều lệ thuộc vào chúng, mà những kẻ tham lam và khôn khéo lợi dụng để

đánh lừa những người ngây thơ chất phác, nếu loại trừ được tất cả điều đó người ta sẽ trở nên thích hợp hơn để tuân phục luật pháp dân sự"⁽¹⁴⁾. Bởi vì, chỉ có phục tùng luật pháp dân sự thì mới làm cho cuộc sống của mọi công dân mới trở nên tốt đẹp hơn, hoàn thiện hơn.

Về vấn đề bản chất tôn giáo, trong tác phẩm *Bàn về con người*, nhà triết học Anh cho rằng, "tôn giáo là một hành vi sùng bái (cult), nhờ đó con người bộc lộ lòng sùng kính chân thành của mình đối với Thượng Đế. Con người sùng kính Thượng Đế không chỉ sự sáng thế của Người mà còn vì Người đã dẫn dắt, điều hành vạn vật trong thế giới. Tôn giáo chia thành hai lĩnh vực: một là niềm tin, nghĩa là quan niệm cho rằng, Thượng Đế tồn tại và thống lĩnh tất cả; hai là sự sùng bái. Niềm tin vào Thượng Đế thường được gọi là "tám lòng thành" trong quan hệ đối với Thượng Đế. Các con tin luôn gắng sức tuân phục theo lời thánh thần dạy bảo, họ tán dương, ca tụng Ngài khi gặp điềm lành và cầu xin sự giúp đỡ, cứu mang khi lâm vào tình trạng khổ đau, hoạn nạn; điều này thể hiện, con người vừa kính yêu lại vừa sợ hãi Thượng Đế... Tình yêu của con người đối với Thượng Đế không giống tình yêu của con người đối với con người; bởi vì tình yêu của con người đối với con người thường hướng tới khát vọng làm chủ đối tượng hay hướng tới điều thiện; trong khi đó tình yêu của con người đối với Thượng Đế thể hiện sự phục tùng lời dạy bảo của Người. Sự sợ hãi thánh thần đồng nghĩa với sự tránh xa tội ác"⁽¹⁵⁾. Hobbes đã nhận

13. Hobbes. *Leviathan*, Sđd., tr.299.

14. Hobbes. *Leviathan*, Sđd., tr. .299.

15. Hobbes. *Tác phẩm chọn lọc*, Matxcova 1926, tr. 200.

ra mối quan hệ giữa tôn giáo và đạo đức, theo ông, việc con người sáng tạo nên hình ảnh thần thánh ban đầu xuất phát từ nguồn gốc nhận thức và tâm lí - đó là do hạn chế bởi tầm nhìn tri thức và nỗi sợ hãi của con người trước các lực lượng tự nhiên, nhưng việc giữ gìn, củng cố, lưu truyền và phát triển rộng rãi hình ảnh thánh thần chủ yếu xuất phát từ nguồn gốc xã hội, mà cơ bản là bắt nguồn từ quan niệm về thiện, ác, về sự thưởng phạt. Do nắm bắt được hiện tượng tâm lí này của đa số công chúng mà các nhà sáng lập và truyền giáo đã viết những lời răn thấm sâu lòng người trong các kinh sách, những lời răn này cũng rất phù hợp với quan niệm đạo đức phổ quát của loài người. Không hẹn mà gặp, tư tưởng nêu trên của nhà triết học Anh thời Cận đại trùng hợp với luận điểm "kính quý thần nhi viễn chi" của Đức Khổng Tử ở Trung Quốc Cổ đại và luận điểm "chính con người sáng tạo nên Thượng Đế chứ không phải Thượng Đế sáng tạo nên con người" của nhà triết học Đức L. Feuerbach thế kỉ XIX⁽¹⁶⁾.

Việc phát hiện ra mối quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo của Hobbes thực ra không phải là mới, bởi trước ông đã có nhiều nhà tư tưởng đề cập đến vấn đề này. Song điểm khác biệt giữa Hobbes và các nhà tư tưởng khác là ở chỗ, nhà triết học Cận đại Anh gắn hiện tượng đạo đức với điều lợi, nói một cách dễ hiểu thì sự sùng bái và kính trọng thánh thần của công chúng đều xuất phát từ mục đích cá nhân; bởi vì "làm cho một vật nào đó trở thành đối tượng sùng bái, với nghĩa là đối tượng được quan tâm, được tôn trọng, kính phục, nghĩa là chúng ta bằng trách nhiệm và lòng nhiệt thành tác động đến

đối tượng này vì quyền lợi riêng của chúng ta. Ví dụ: nếu chúng ta quan tâm đến một mảnh đất nào đó vì hoa lợi thì chúng ta sẽ bảo với mọi người phải hết lòng bảo vệ nó. Tương tự như vậy, chúng ta phục vụ Thượng Đế là vì mong muốn Người rủ lòng thương giúp đỡ chúng ta. Phục vụ Thượng Đế có nghĩa là biểu hiện lòng biết ơn Người"⁽¹⁷⁾. Quan điểm này của Hobbes đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị thời sự, khi mà cơ chế kinh tế thị trường trở thành hiện tượng phổ biến toàn cầu; nhiều tín đồ ngoan đạo của các tôn giáo cầu nguyện thánh thần không phải vì đáp ứng nhu cầu đời sống tâm linh mà chủ yếu do lòng mong muốn nhận được sự giúp đỡ vật chất từ phía thánh thần, đặc biệt là những người làm các nghề nghiệp liên quan đến sự may rủi như kinh doanh, buôn bán. Không chỉ vì mục đích lợi nhuận vật chất cá nhân thông thường, hiện tượng sùng kính thánh thần còn xuất phát từ sự suy luận theo luật nhân quả của đời sống như triết lí dân gian thường nói: "Ở hiền gặp lành", "ác giả ác báo", "ai gieo gió, kẻ đó gặt bão", v.v... Với nghĩa như vậy, Hobbes viết: "Kính yêu Thượng Đế có nghĩa là thực hiện những lời răn dạy của Người, còn sợ hãi Thượng Đế có nghĩa là sợ vi phạm các điều luật của Người, từ đó xuất hiện vấn đề: do đâu mà chúng ta biết Thượng Đế điều hành vũ trụ? Trả lời câu hỏi này có thể như sau: đem cho con người tặng vật lí tính, Thượng Đế đồng thời dẫn dắt con người bằng mệnh lệnh tối cao, ghi lòng tạc dạ trong tâm khảm tất cả mọi người một điều rằng, không ai

16. Hobbes. *Tác phẩm chọn lọc*, Matxcova 1926, tr. 200.

17. Hobbes. *Tác phẩm chọn lọc*, Sđd., tr. 203.

làm điều xấu cho người khác nếu người khác không làm điều xấu cho mình"⁽¹⁸⁾.

Theo quan niệm của Hobbes, tôn giáo không chỉ liên quan đến đạo đức mà còn mật thiết gắn bó với chính trị, cụ thể là pháp luật nhà nước. "Tôn giáo không phải là triết học, mà là pháp quy của nhà nước... Sự sùng bái thần thánh phân thành hai dạng: riêng tư và xã hội. Sự sùng bái riêng tư là lòng tin bí hiểm của một hay một vài người có cùng quan điểm, sự sùng bái này che giấu những bí mật riêng tư, vì không ai cảm nhận được ơn huệ của thánh thần ngoài những người sùng kính Ngài. Còn sự sùng bái xã hội được thực hành theo mệnh lệnh của chính thể nhà nước"⁽¹⁹⁾. Pháp luật mà Hobbes đề cập đến ở đây chính là pháp luật của nhà nước quân chủ chuyên chế Anh quốc đến buổi suy tàn và chính thể nhà nước dân chủ tư sản đang độ sinh thành. Chính thể nhà nước đó can thiệp ngày càng sâu rộng vào đời sống của công chúng, làm cho đời sống của họ trở nên ngột ngạt và bị lệ thuộc nhiều vào chính quyền dân sự.

Nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của tôn giáo, Hobbes nhận thấy rằng, giống như các loại hình ý thức xã hội khác, tôn giáo có những thời điểm phát triển hưng thịnh và đôi lúc cũng lâm vào tình trạng khủng hoảng. Sự khủng hoảng của tôn giáo, theo Hobbes, không phải bắt nguồn từ phía đời sống vật chất mà chủ yếu xuất phát từ đời sống tinh thần của xã hội. "Có hai nguyên nhân cơ bản dẫn đến tình trạng khủng hoảng tôn giáo - Hobbes viết - cả hai nguyên nhân này đều bắt rễ từ trong đời sống tinh thần: Sự vô nghĩa của các giáo điều và lối sống của giáo dân không tương xứng như những lời ghi nhận trong

các kinh sách tôn giáo... Ngoài ra còn có nguyên nhân khác, đó chính là mâu thuẫn giữa đời sống hiện thực cá nhân và những lời răn dạy của những linh mục, tu sĩ"⁽²⁰⁾. Nhìn từ góc độ hiện đại, chúng ta thấy lời nhận xét trên của Hobbes không phải là không có cơ sở hiện thực; trong triết lý dân gian người Việt có những câu như: "Ăn trộm, ăn cướp thành Phật, thành Tiên; đi chùa đi chiền, bán thân bất toại"; "miệng nam mô, bụng một bồ dao găm". Những cuộc thập tự chinh thời Trung đại và các cuộc thánh chiến do Islam giáo tuyên chiến thời Hiện đại đã chứng minh rằng, không hiếm các giáo chủ, giáo sĩ và các tín đồ có xu hướng làm không đúng, thậm chí còn hành động trái ngược những giáo lý đầy nhân tính ghi nhận trong các kinh sách tôn giáo - những cuộc tranh giành quyền lực, quyền lợi như vậy đã làm cho ánh hào quang tỏa ra từ các thánh thần mờ nhạt dần trong con mắt người trần và lẽ dĩ nhiên tôn giáo mất đi cái vẻ linh thiêng như nó vốn có từ thuở ban đầu.

Điểm lại toàn bộ quan niệm của Hobbes về tôn giáo chúng ta thấy nhà triết học cận đại Anh đã có cái nhìn khá độc đáo về nó. Với những luận cứ thực tế đầy sức thuyết phục, những lập luận mang tính logic chặt chẽ, ông đã phân tích cho chúng ta thấy nguồn gốc và bản chất đích thực của tôn giáo, chỉ ra tính chất mâu thuẫn giữa các giáo lý với đời sống hiện thực của xã hội, mâu thuẫn giữa lời nói của các giáo sĩ với việc làm và lối sống của họ. Điều mong muốn nhất của

18. Hobbes. *Tác phẩm chọn lọc*, Matxcova 1926, tr. 202.

19. Hobbes. *Tác phẩm chọn lọc*, Sđd., tr. 202 - 203.

20. Hobbes. *Tác phẩm chọn lọc*, Sđd., tr. 208.

Hobbes là làm gì và làm như thế nào để con người sống tốt đời, đẹp đạo, kính chúa, yêu nước. Là một chính trị gia nổi tiếng của nước Anh thời Cận đại, Hobbes đủ can đảm nói lên sự thực khi phát ngôn chính kiến của mình, đúng như lời nhận xét của J.J.Rousseau: "Trong tất cả các tác giả Kitô giáo thì chỉ có một mình Hobbes đã hiểu rất rõ cái ác và phương tiện để trừ khử nó... Cái làm cho quan điểm chính trị của Hobbes bị căm ghét không hẳn là nó chứa đựng sự khủng khiếp và dối trá, mà chủ yếu là nó chứa đựng tư tưởng chính nghĩa và lòng chân thực"⁽²¹⁾. Để đánh giá một cách chuẩn xác quan điểm triết học tôn giáo của Hobbes, chúng tôi dẫn lời nhận xét của Ted Honderich trong cuốn *Hành trình cùng triết học*: "Hobbes tin là nếu người ta bị thúc bách phải chọn giữa mệnh lệnh của Thượng Đế và mệnh lệnh của quyền lực tối cao, phần lớn sẽ chọn theo Thượng Đế. Vì thế ông cố gắng chứng minh rằng, Kinh Thánh hậu thuẫn cho quan niệm đạo đức và chính trị của ông, nhưng ông cũng không tin là các quan điểm tôn giáo dẫn tới sự bất tuân luật pháp. Vì cũng như Thomas D' Aquino, ông tin là lí trí và Kinh Thánh đồng thuận với nhau vì cả hai đều xuất phát từ Thượng Đế. Dẫu vậy, Thượng Đế không có một vai trò thiết yếu trong triết học đạo đức và chính

trị của Hobbes. Ông chủ trương tất cả những người có lí trí, dù là hữu thần hay vô thần, đều phải tuân thủ luật tự nhiên và pháp luật của đất nước, nhưng không nhất thiết phải tuân thủ các giới điều của Thượng Đế; vì theo Hobbes, lí trí đã đủ để hướng dẫn con người, Thượng Đế tuy là nguồn gốc của lí trí nhưng không cần thiết"⁽²²⁾.

Thời đại Hobbes trôi qua gần bốn thế kỉ, trong thời đại ngày nay, lí trí vẫn đang là một trong những động lực thúc đẩy lịch sử nhân loại. Nó cũng là phương tiện cơ bản giúp con người phân định thị - phi, giả - chân, thiện - ác, thiên thần - quỷ dữ. Khẳng định vai trò quan trọng của lí trí, Hobbes đồng thời đưa tôn giáo ra trước tòa án lí trí để phán xét, nhằm định công, truy tội cho loại hình ý thức xã hội vốn gây không ít tranh luận này; và cũng giống như các nhà Khai Sáng Pháp, ông nhận ra rằng, muốn xóa bỏ mọi lỗi lầm do lịch sử quá khứ nhân loại tạo ra, việc đầu tiên cần làm là khai mở lí trí cho công chúng, hướng loài người đến các giá trị nhân bản vĩnh hằng: chân, thiện, mỹ./.

21. J.J. Rousseau. *Về kế ước xã hội*, dẫn theo P.S.Taranop. *106 nhà thông thái*, Nxb. CTQG 2000, tr.561-562.

22. Ted Honderich (chủ biên). *Hành trình cùng triết học*, Nxb. Văn hóa Thông tin 2002, tr. 486.